**Sử dụng từ Hán Việt**

**I. Từ Hán Việt là gì?**

- Khái niệm:

+ Từ Hán Việt là từ mượn tiếng Việt.

+ Từ Hán Việt có nghĩa gốc của tiếng Hán nhưng được ghi bằng chữ cái Latinh và âm đọc là âm đọc tiếng Việt (không phải âm đọc tiếng Hán).

+ Trong từ vụng tiếng Việt, từ Hán Việt chiếm tỷ lệ cao, khoảng 70%, 30% còn lại là từ thuần Việt.

- Ví dụ: *Gia đình, phụ mẫu, nghiêm quân…* **II. Đặc điểm của từ Hán Việt**

- Từ Hán Việt xuất hiện trong tiếng Việt góp phần làm tăng và mở rộng vốn từ. Đồng thời cũng giúp từ mang thêm nhiều sắc thái, biểu hiện khác nhau. Chẳng hạn như:

+ Biểu thị sắc thái ý nghĩa: Từ Hán Việt thể hiện được sắc thái ý nghĩa mang tính trừu tượng và khái quát hơn. Ví dụ: Thổ huyết (hộc máu), viêm (loét), thảo mộc (cỏ cây).

+ Sắc thái biểu cảm: Trong nhiều trường hợp những từ Hán Việt còn thể hiện được cảm xúc tốt hơn. Ví dụ như băng hà (chết), phu nhân (vợ).

+ Sắc thái phong cách: Một số trường hợp từ Hán Việt được sử dụng trong các lĩnh vực như hành chính, chính trị, khoa học, chính luận giúp sắc thái câu văn trang trọng hơn. Ví dụ như thiên thu (ngàn năm), huynh đệ (anh em), tỉ muội (chị em), bằng hữu (bạn bè) …

**III. Nhận biết từ Hán Việt**

**\* Căn cứ mặt ngữ âm**

- Căn cứ vào phụ âm đầu và thanh điệu: Các âm tiết sau đây thuộc từ Hán-Việt:

+ Các âm tiết có phụ âm đầu l, m tắc-thanh hầu-vô thanh /ʔ/ và mang thanh điệu bổng (ngang, hỏi, sắc), ví dụ: an, án, am, ám, ôn, ổn,...;

+ Các âm tiết có phụ âm đầu /z/ nhưng được viết bằng chữ cái kép gi- và mang thanh điệu bổng, ví dụ: gia, giá, giả, gian, gián, giản, giang, giáng, giảng, giam, giám, giảm,... ;

+ Các âm tiết có phụ âm đầu /C/ và mang thanh điệu bổng, ví dụ: chu, chú, chủ, chương, chướng, chưởng, ... ;

+ Các âm tiết có phụ âm đầu /X/ và mang thanh điệu bổng, ví dụ: khai, khái, khải, kha, khuyển, khuyết, khoáng, ... ;

+ Các âm tiết Hán-Việt có phụ âm đầu /m/, /n/, /ɲ/, /v/, /l/, /z/ (d), /ŋ/ đều mang các thanh điệu “ngang”, “ng.”, “nặng”, ví dụ: mao, mo, mạo, nơ, nỗ, nộ, nhi, nhĩ, nhị, nghiêm, nghiễm, nghiệm, ngư, ngữ, ngự, liêu, liễu, liệu, vi, vĩ, vị, dung, dũng, dụng. Để cho dễ nhớ qui tắc trên, Nguyễn Tài Cẩn đã đặt thành một câu: “Mình nên nhớ viết là dấu ngã”.

+ Các âm tiết có phụ âm đầu /ʐ / và /ɣ/ là thuần Việt, không phải là âm tiết Hán-Việt;

- Căn cứ vào vần:

+ Các vần chỉ có trong từ ngữ Hán - Việt: -uyn (trừ ngoại lệ: chuyền, chuyện), -uyêt, -ưu, -uy.

+ Những âm tiết có vần – êt đều là thuần Việt, trừ kết.

+ Các âm tiết có vần - âm thuộc cả hai loại: thuần Việt và Hán - Việt. Cụ thể: tâm, tẩm, cẩm, lâm, khâm, trâm,…là từ Hán- Việt. Có thể dựa vào trật tự cú pháp của từ ngữ và ý nghĩa khái quát để phân biệt các từ ngữ thuần Việt và Hán - Việt trong trường hợp này.

+ Các âm tiết có kết hợp âm - oa, -oan/ -uan, -oat thuộc về thuần Việt và cả Hán-Việt; nhưng khi chúng đi với phụ âm đầu /n/ thì chỉ có trong từ ngữ Hán-Việt, cụ thể: noa (thê noa), noãn (trong

noãn sào, noãn cầu,…); có vần được viết là - uan, chỉ có trong từ Hán-Việt, và chỉ gồm hai tiếng: quan, quản.

**\* Căn cứ mặt ngữ pháp**

- Các từ ngữ Hán-Việt chưa bị Việt hóa hoàn toàn thường có cấu trúc ngược cú pháp Việt, cụ thể yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau, ví dụ: lục quân, hải phận, giáo viên, ...

- Đối với các từ ghép đẳng lập Hán- Việt thường thường ta không thể thay đổi trật tự giữa các thành tố, trừ một vài trường hợp ngoại lệ như: đơn giản → giản đơn, tranh đấu → đấu tranh.

**\* Căn cứ mặt ngữ nghĩa**

Các từ ngữ Hán-Việt thường có. nghĩa khái quát, trừu tượng; có tính mơ hồ về nghĩa.

**\* Căn cứ mặt phong cách**

Các - từ ngữ Hán-Việt thường có sắc thái trang trọng, cổ kính, tĩnh tại; nó thường được dùng trong phong cách sách vở.

**IV. Lưu ý khi sử dụng từ Hán Việt**

- Nói viết đúng các từ gần âm giữa Hán Việt và thuần Việt để tránh sai nghĩa.

- Cần phân biệt để tránh nhầm lẫn giữa các từ Hán Việt gần âm, đồng âm.

- Cần hiểu đúng nghĩa của từ Hán Việt.

- Sử dụng đúng sắc thái biểu cảm, hợp phong cách, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. **VI. Bài tập về sử dụng từ Hán Việt**

**Bài 1.** Chọn đáp án đúng trong các câu sau:

**Câu 1*.*** Dòng nào dưới đây nêu đúng về từ Hán Việt?

A. Từ Hán Việt là bộ phận quan trọng nhất của tiếng Việt.

B. Tất cả những từ mượn tiếng Hán được gọi là từ Hán Việt.

C. Yếu tố cấu tạo nên từ Hán Việt được gọi là yếu tố Hán Việt.

D. Trong lớp từ Hán Việt không có hiện tượng đồng âm.

**Câu 2.** Đoạn văn sau có bao nhiêu từ Hán Việt?

*Rồi ngày mưa rào. Mưa giăng giăng bốn phía. Có quãng nắng xuyên xuống biển ông ảnh đủ màu: xanh lá mạ, tim phớt, hồng, xanh biếc,... Có quãng biển thâm xì, nặng trịch. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, ướt đẫm, thẫm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, như ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Một. | B. Hai. | C. Ba. | D. Bốn. |

**Câu 3.** Từ nào sau đây được tạo nên bằng cách ghép 2 yếu tố Hán Việt?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. binh lính. | B. tàu hoả. | C. đói khổ. | D. cách trở. |

**Câu 4.** Từ nào sau đây KHÔNG PHẢI từ Hán Việt?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. mì chính. | B. trùng điệp. | C. tham quan. | D. quá trình. |

**Câu 5.**Dòng nào sau đây nêu đúng nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong câu văn sau? *Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoảng mái đình mái chùa* ***cổ kính.*** (Thép Mới)

|  |  |
| --- | --- |
| A. Xưa cũ và trang nghiêm. | B. Lâu đời và cứng cáp. |
| C. Vất vả và ngay thẳng. | D. Khang trang và hoành tráng. |

**Trả lời:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| **Đáp án** | C | B | D | A | A |

**Bài 2.** Tìm các từ Hán Việt có trong các câu sau:

A. Chiều hôm qua, Chủ tịch nước Lào và phu nhân đã đến thăm Việt Nam.

B. Cố đô Huế vẫn giữ nguyên vẹn một vẻ đẹp trầm mặc theo thời gian.

C. Hà Nội ngày nay chính là kinh thành Thăng Long xưa.

D. Ông ấy đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ trường kì của dân tộc.

**Trả lời:**

Các từ Hán Việt:

a. tổng thống, phu nhân

b. cố đô, nguyên vẹn, trầm mặc, thời gian

c. kinh thành, Thăng Long

d. hi sinh, kháng chiến, trường kì, dân tộc.

**Bài 3.** Xác định và giải nghĩa của các từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:

1. *Thuở nhỏ, thầy Mạnh Tử tuy thông minh, tư chất hơn người nhưng lại ham chơi, một lần do ham chơi mà thầy trốn học.*
2. *Người quân tử học để thành danh, thỉnh giáo người khác là để làm tăng thêm tri thức.*
3. *Thứ nhất, dù trẻ em còn non nớt thì mỗi đứa trẻ đều có quan điểm riêng về thế giới đều có những ý kiến riêng đáng được tôn trọng.*
4. *Tiếng nói của Ma-la-la đã tạo ra nhiều thay đổi tích cực tại quê hương cô.*

**Trả lời:**

a.

- *Thông minh*: có năng lực trí tuệ tốt, hiểu nhanh, tiếp thu nhanh.

- *Tư chất*: tính chất vốn có của một người.

b.

- *Thành danh*: dựng nên tên tuổi.

- *Thỉnh giáo*: xin người ta dạy bảo.

- *Tri thức*: những điều người ta vì kinh nghiệm và học tập mà biết, hay vì lí trí và cảm xúc mà biết.

c.

- *Quan điểm*: điểm xuất phát quy định hướng suy nghĩ, cách xem xét, đánh giá về một sự vật, sự việc nào đó.

- *Thế giới*: Trái Đất, bề mặt là nơi toàn thể loài người đang sinh sống.

- *Tôn trọng*: tỏ thái độ đánh giá cao và cho là không được vi phạm hoặc xúc phạm đến.

d.

- *Tích cực*: tỏ ra chủ động, có những hoạt động tạo ra sự biến động theo hướng phát triển.

**Bài 4.** Tìm các yếu tố để ghép với các yếu tố cho sẵn tạo thành từ ghép Hán Việt: thủy, phi, tồn, hóa, hậu, hữu, thiên.

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Yếu tố Hán Việt*** | ***Từ ghép Hán Việt*** |
| 1 | *thủy* | thủy điện, sơn thủy, thủy mặc, thu thủy, thủy chiến, thủy binh,…  |
| 2 | *phi* | phi lí, phi cơ,…  |
| 3 | *tồn* | tồn vong, tồn tại,... |
| 4 | *hóa* | hóa chất, văn hóa,... |
| 5 | *hậu* | hậu phương, hậu cần, hậu vận,... |
| 6 | *hữu* | hữu hạn, hữu ích,... |
| 7 | *thiên* | thiên nhiên, thiên đô, thiên lí mã, thiên tử, thiên tai,... |

**Bài 5.** Viết đoạn văn (10-15 câu) nêu cảm nhận của em về tình mẫu tử, có sử dụng ít nhất một từ Hán Việt.

**Trả lời:**

 Tình mẫu tử là tình cảm của mẹ và con. Đó là sự hy sinh vô điều kiện của người mẹ dành cho con. Cũng như đó là sự tôn trọng, yêu thương của đứa con dành cho mẹ. Có lẽ, trong cuộc đời mỗi con người không có thứ tình cảm nào thiêng liêng bằng tình mẫu tử. Từ khi sinh ra cho đến khi lớn lên, người mẹ có một vai trò vô cùng quan trọng với mỗi người. Chúng ta sinh ra trong vòng tay của mẹ thì hạnh phúc nào bằng. Từ khi thơ bé vẫn còn nằm trong bụng mẹ và được mẹ bao bọc che chở. Đến khi sinh ra người đầu tiên ôm ấp ta vào lúc cũng là mẹ. Nhờ có bầu sữa ngọt ngào của mẹ mà chúng ta lớn lên từng ngày. Và trên hành trình trưởng thành từ những bước đi nhỏ bé đầu tiên đến những bước đi lớn lao vĩ đại, người mẹ vẫn luôn dõi theo từng bước. Ngay cả khi chúng ta vấp ngã, chỉ có mẹ là vẫn luôn dang rộng vòng tay chào đón chúng ta. Dù có lớn lao cỡ nào, dù có ở cương vị nào, dù có trưởng thành bao nhiêu, chúng ta vẫn là con của mẹ, vẫn nhỏ nhắn trong vòng tay mẹ, vẫn thèm muốn và khao khát được trở về với mẹ. Chính vì vậy, mỗi người cần phải biết ơn công ơn dưỡng dục của mẹ. Cũng như không làm những điều khiến mẹ phải buồn lòng, đau khổ. Con người hãy luôn trân trọng tình cảm đáng quý này.

- Từ Hán Việt: mẫu tử, vĩ đại, cương vị